TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi;

2. Ông Nguyễn Chí Lin;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1075/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bảo X, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Bảo X: Ông Lê Đình A - Luật sư Chi nhánh 4 văn phòng Luật sư N - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà X, Luật sư A có mặt, ông T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Bảo X trình bày: Bà X và ông Nguyễn Đức T cưới nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Long An vào ngày 06/02/2020. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T thường hay ăn chơi bên ngoài và có quen người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, bà đã nhiều lần khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả vì ông T vẫn không thay đổi, bà đã ly thân với ông T từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về tình cảm: Bà Trần Thị Bảo X yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 09/01/2020, hiện con đang sống với bà X. Khi ly hôn, bà X xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành liên lạc và tống đạt các thủ tục tố tụng cho ông Nguyễn Đức T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà X nhưng ông T không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Bảo X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bảo X không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày, không cung cấp thêm các chứng cứ gì khác.

Luật sư Lê Đình A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Bảo X tranh luận: Qua ý kiến trình bày của bà X cho thấy hôn nhân giữa bà X và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham gia hòa giải, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà X cho thấy ông T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà X được ly hôn với ông T. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 09/01/2020, xét cháu B hiện đang sống cùng bà X và cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu B cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên đề nghị ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Bảo X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2].Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. ***Về nội dung vụ án:***

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 06/02/2020 nên hôn nhân giữa bà X và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T: Bà X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T thường hay ăn chơi bên ngoài và có quen người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, bà đã nhiều lần khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả vì ông T vẫn không thay đổi. Xét ý kiến của bà X trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã tiến hành tống đạt mời ông Nguyễn Đức T nhưng ông T không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải về việc bà X xin ly hôn cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà X với với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, nên bà X yêu cầu xin ly hôn với với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Trần Thị Bảo X trình bày giữa bà X và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 09/01/2020, hiện con đang sống với bà X. Khi ly hôn, bà X xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Nguyễn Trần Gia B chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang sống cùng với bà X. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần để bà X tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 09/01/2020 sẽ đảm bảo sự phát triển ổn định của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét bà X có nghề nghiệp ổn định, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bảo X xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà X và ông T có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Bảo X phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Bảo X với ông Nguyễn Đức T.

Bà Trần Thị Bảo X được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Bảo X được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 09/01/2020, hiện con chung đang sống với bà X.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà X không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bảo X trình bày giữa bà và ông Nguyễn Đức T không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6 Về án phí: Bà Trần Thị Bảo X phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai số 0000289 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Bà X đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

8. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã H (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Linh Duy